

PGS. TS. ĐINH VĂN THANH (Chủ biên)
TS. PHẠM VĂN TUYẾT

GIÁO TRÌNH Luật dân sự Việt Nam

(QUYỂN I)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

PGS. TS. ĐÌNH VĂN THANH (Chủ biên)
TS. PHẠM VĂN TUYẾT

GIÁO TRÌNH
LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM
(QUYỂN 1)

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm.

59-2011/CXB/16-93/GD

Mã số : DZK01b1-ĐTH

LỜI GIỚI THIỆU

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, pháp luật dân sự là phương tiện pháp lý quan trọng để các chủ thể xác lập, thực hiện các quyền, nghĩa vụ dân sự nhằm thoả mãn các nhu cầu vật chất trong sinh hoạt, tiêu dùng hoặc trong sản xuất, kinh doanh. Đây là những quan hệ xã hội có tính chất phổ biến trong cuộc sống của mỗi người dân, của mỗi cơ quan, tổ chức trong hoạt động quản lý hoặc trong sản xuất, kinh doanh.

Xác định được ý nghĩa quan trọng của pháp luật dân sự trong việc thúc đẩy nền kinh tế – xã hội phát triển, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá IX, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Bộ luật dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995 (có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 7 năm 1996). Sau gần mười năm thực hiện, tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá XI, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua Bộ luật dân sự mới, ngày 14 tháng 6 năm 2005 (có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 2006). Với ý nghĩa đó, Điều 1 Bộ luật dân sự năm 2005 tiếp tục quy định: *“Bộ luật dân sự có nhiệm vụ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng, bảo đảm sự bình đẳng và an toàn pháp lý trong quan hệ dân sự, góp phần tạo điều kiện đáp ứng các nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội”*.

Bộ luật dân sự năm 2005 đã tiếp tục pháp điển hoá một bộ phận quan trọng các quan hệ xã hội trong lĩnh vực tài sản và nhân thân, tạo cơ sở pháp lý nhằm tiếp tục giải phóng mọi năng lực sản xuất, phát huy dân chủ và bảo đảm công bằng, quyền con người về dân sự; quy định địa vị pháp lý của cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác trong giao lưu dân sự; xây dựng chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các chủ thể khi tham gia quan hệ pháp luật dân sự. Từ kết quả khảo sát tình hình thực thi các quy định trên thực tế, Bộ luật dân sự năm 2005 đã sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp, sửa đổi những quy định còn mang tính chất chung chung; loại bỏ các quy định mang tính chất hành chính trong quan hệ dân sự (tại những phần tương ứng); sửa đổi những bất cập,

mâu thuẫn liên quan đến các đạo luật khác như quy định về quyền sử dụng đất của cá nhân, tổ chức và việc chuyển quyền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 2003; các quy định liên quan đến đối tượng sở hữu công nghiệp; sửa đổi để bảo đảm tính tương thích với các điều ước quốc tế, thông lệ, tập quán quốc tế, nhất là các quy định về hợp đồng, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

Là một bộ luật lớn, có tới 777 điều luật và với những đặc trưng riêng về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, nên nếu chỉ đọc Bộ luật dân sự thì sẽ khó có thể hiểu toàn bộ các quy định trong Bộ luật và sẽ khó khăn trong vận dụng cũng như áp dụng. Khoa học Luật dân sự không chỉ là những quy định cụ thể trong từng điều luật mà còn có sự liên quan, chi phối của ngay chính các điều luật trong Bộ luật dân sự và trong các văn bản pháp luật có liên quan được Bộ luật dân sự dẫn chiếu.

Nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập của học viên hệ Đào tạo từ xa và những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy quan tâm, Viện Đại học Mở Hà Nội tổ chức biên soạn cuốn “*Giáo trình Luật dân sự Việt Nam*” theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản pháp luật có liên quan. Tham gia biên soạn giáo trình là những giảng viên có kinh nghiệm và đã giảng dạy nhiều năm tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

Do mục đích ban đầu, giáo trình được biên soạn cho đối tượng học viên hệ từ xa là chủ yếu. Tuy nhiên, cuốn giáo trình này cũng rất bổ ích đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy và các hệ đào tạo tập trung khác.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn, tập thể tác giả không thể tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các độc giả, học viên, và các đồng nghiệp để chỉnh lý cho lần xuất bản sau được hoàn thiện hơn.

NHÓM TÁC GIẢ

Chương I

KHÁI NIỆM CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

A. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

Bộ luật dân sự đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá IX thông qua toàn văn ngày 28 tháng 10 năm 1995 với 838 điều luật (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/1996 được công bố theo Lệnh của Chủ tịch nước số 44/L-CTN ngày 9/11/1995). Bộ luật này đã được thay thế, ban hành mới tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khoá XI ngày 14 tháng 6 năm 2005 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006 được công bố theo Lệnh của Chủ tịch nước số 06/2005/L-CTN ngày 27/6/2005) vẫn là một đạo luật thành văn lớn nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam với 777 điều luật. Theo một nghĩa rộng, pháp luật dân sự còn bao gồm cả một phần Luật đất đai, Luật thương mại, Luật ngân hàng (phần liên quan đến việc vay và cho vay), Luật lao động... Trong quá trình điều chỉnh các quan hệ tài sản với những tính chất đặc trưng riêng thì Luật dân sự có thể được xem là “đạo luật gốc”, quy định các nguyên tắc cơ bản. Các vấn đề cơ bản nhất được quy định trong Bộ luật dân sự nhưng Luật dân sự còn bao gồm cả một hệ thống các văn bản pháp luật của những cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Quy định, giải thích, hướng dẫn áp dụng về một vấn đề cụ thể nào đó trong quá trình thực hiện. Vì vậy, trong quá trình áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ liên quan nhiều đến các văn bản này. Theo sách “Chỉ dẫn áp dụng các quy định khác của Bộ luật dân sự” của Viện nghiên cứu khoa học pháp lý-Bộ Tư pháp do Nhà xuất bản Lao động xuất bản năm 2000 thì các văn bản pháp luật có liên quan này được in trong một cuốn sách có độ dày đến 2.280 trang.

Khi tìm hiểu khái quát chung về pháp luật dân sự nói riêng, trước hết cần hiểu: Luật dân sự chỉ điều chỉnh các mối quan hệ của con người với nhau trong cuộc sống hàng ngày, các quan hệ về đời sống, sinh hoạt, tiêu dùng hoặc sản xuất, kinh doanh... Mối quan hệ trao đổi giữa các chủ thể dựa trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, tự do ý chí luôn là trọng tâm và là nền tảng cho sự tồn tại của xã hội. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Luật dân sự ngày càng có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội, nhất là từ khi nước ta gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) ngày càng tăng. Theo số

liệu được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng tại trang web-tintuonline, vietnamnet/vn/vn/kinhte/182209 ngày 20/1/2008 thì dòng vốn FDI năm 2007 đầu tư trực tiếp vào Việt Nam đạt 20,3 tỷ USD, dự kiến năm 2008 có thể dao động từ 21-25 tỷ USD.

Việc điều chỉnh các quan hệ xã hội có tính chất đặc trưng và sự cần thiết phải có sự điều chỉnh bằng pháp luật dân sự với nhóm quan hệ xã hội là một vấn đề không thể thiếu trong một nền kinh tế hàng hoá. Đây là cơ sở để thực hiện mục đích duy trì, phát triển quan hệ xã hội trong các lĩnh vực tài sản, nhân thân và quan trọng là duy trì một “trật tự pháp lý” trong trao đổi hàng hoá, lưu thông dân sự. Nhà nước “với bản chất là một bộ máy chính trị – hành chính, một cơ quan cưỡng chế”¹ cao nhất sử dụng pháp luật để duy trì xã hội trong một trật tự nhất định cũng chỉ là để bảo đảm cho các hoạt động của các chủ thể trong đời sống xã hội được tiến hành bình thường trong sự bảo đảm ổn định, an toàn pháp lý, trong đó có quan hệ trao đổi hàng hoá – tiền tệ.

Không ai có thể phủ nhận rằng, con người (với tính cách là một thực thể trong đời sống xã hội) muốn tồn tại và phát triển lại không cần đến những điều kiện sinh hoạt nhất định. Đó là những điều kiện vật chất thiết yếu bảo đảm cho sự sinh tồn như: Lương thực, thực phẩm để ăn; nhà để ở; các phương tiện để đi lại; các phương tiện thông tin, liên lạc; các hoạt động giải trí, dịch vụ... Các điều kiện vật chất, tinh thần ngày càng phong phú và đa dạng cùng với sự phát triển của xã hội, của nền sản xuất hàng hoá và với nền văn minh tiến triển không ngừng, nhằm thoả mãn và đáp ứng các nhu cầu của con người trong suốt quá trình tồn tại. Muốn thoả mãn những nhu cầu ngày càng tăng trong một xã hội văn minh, các chủ thể phải thoả thuận, xác lập với nhau những giao dịch dân sự nhất định để đạt được mục đích đó.

Trong một cộng đồng xã hội có sự phân công lao động ngày càng cao, cùng với sự tiến bộ không ngừng trong việc áp dụng các thành tựu khoa học-kỹ thuật, con người đã tạo ra một khối lượng vật chất ngày càng nhiều cho xã hội. Song song với việc tạo ra một khối lượng của cải vật chất đó, nhu cầu về cuộc sống của mỗi con người cũng ngày càng đa dạng, phong phú và không ngừng được nâng cao. Mỗi cá nhân muốn thoả mãn các nhu cầu mọi mặt về vật chất, tinh thần, văn hoá; thoả mãn các nhu cầu trong sản xuất, kinh doanh hoặc phục vụ sinh hoạt, tiêu dùng... phải thông qua các hoạt động trao đổi, giao dịch với những cá nhân, tổ chức khác trong xã hội. Nghĩa là, họ phải thiết lập những quan hệ với cá nhân, tổ chức khác bằng những quan hệ dân sự. Thông qua các quan hệ đó, các cá nhân và các chủ thể mới có thể thoả mãn các nhu cầu của mình.

(1) Xem: *Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật*, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân năm 2000, tr. 203.

Ví dụ: Để thoả mãn nhu cầu về chỗ ở, cá nhân đó phải tham gia vào quan hệ mua bán nhà hoặc thuê nhà... Để thoả mãn nhu cầu tồn tại như: ăn, uống, quần áo mặc cá nhân đó phải tham gia những quan hệ mua bán, trao đổi sản phẩm ở các quầy hàng lương thực, thực phẩm hoặc ở các siêu thị, chợ thị trường tự do... Khi cần vốn để sản xuất, kinh doanh nếu chủ thể là doanh nghiệp phải tham gia các quan hệ vay tại các tổ chức Ngân hàng, tín dụng; trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội phải có những giao dịch cung ứng sức lao động, nguyên liệu, vật liệu, hoá chất v.v...

Trong đời sống thực tế hàng ngày, chúng ta đều thấy rằng, đối với những quan hệ trao đổi tài sản giản đơn, giá trị trao đổi không lớn, thông thường được thực hiện theo thói quen và tập quán. Đối với những quan hệ trao đổi này thường được thực hiện trực tiếp bằng lời nói khi thoả thuận, cam kết giữa cá chủ thể và rất ít khi xảy ra tranh chấp. Nhưng đối với tài sản có giá trị lớn, việc trao đổi phức tạp (thường có đối tượng là bất động sản) thì pháp luật phải quy định các trình tự, thủ tục nhất định, nhằm hướng dẫn và buộc các bên tham gia quan hệ đó phải tuân theo để bảo đảm sự ổn định và an toàn pháp lý các quan hệ đó.

Việc quy định của Luật dân sự trong các chế định cụ thể đều nhằm mục đích "Bộ luật dân sự quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác; quyền, nghĩa vụ của các chủ thể về nhân thân và tài sản trong các quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (sau đây gọi chung là quan hệ dân sự).

Bộ luật dân sự có nhiệm vụ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; bảo đảm sự bình đẳng và an toàn pháp lý trong quan hệ dân sự, góp phần tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội" (Điều 1 Bộ luật dân sự năm 2005).

Để điều chỉnh những quan hệ tài sản và một số quan hệ nhân thân, nhằm duy trì chúng theo một trật tự nhất định, Nhà nước ban hành các quy tắc xử sự hoặc thừa nhận những xử sự theo tập quán tiến bộ và được Nhà nước bảo đảm thì hành bằng sức mạnh cưỡng chế. Các quy tắc xử sự được Nhà nước ban hành hay thừa nhận nhằm điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân được gọi là quy phạm pháp luật dân sự. Thông qua sự tác động của các quy phạm pháp luật dân sự đối với các quan hệ xã hội, sẽ làm cho các quan hệ xã hội trở thành quan hệ pháp luật dân sự. Đây là căn cứ phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt các quan hệ tài sản và một số quan hệ nhân thân theo một trình tự và theo một sự dự liệu nhất định.

Vì vậy, pháp luật dân sự là tổng hợp những nguyên tắc và các quy phạm có nhiệm vụ điều chỉnh các quan hệ tài sản về sở hữu, về nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự, thừa kế, chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ và chuyển

giao công nghệ, một số quan hệ về nhân thân. Pháp luật dân sự còn quy định địa vị pháp lý của từng loại chủ thể, cách thức ứng xử và những giới hạn ứng xử của từng loại chủ thể trong các giao dịch dân sự.

Là một ngành luật độc lập trong một hệ thống pháp luật thống nhất nhưng pháp luật dân sự không mang tính chất “trừng trị”, “răn đe” không bắt buộc các chủ thể nhất thiết phải tuân theo trong mọi điều kiện, hoàn cảnh hoặc là một sự cấm đoán tuyệt đối; tính chất “cưỡng chế” trong Luật dân sự cũng có những đặc trưng riêng. Sự tuýnghi trong cam kết, thoả thuận của các chủ thể nhằm xác lập những quyền, nghĩa vụ dân sự trong các giao dịch dân sự được Nhà nước tôn trọng và luôn được sự bảo đảm bằng sức mạnh cưỡng chế. Trong nhiều trường hợp, với tính chất là một quy phạm pháp luật nhưng nó lại có nội dung hướng dẫn, chỉ dẫn để các chủ thể khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự biết và làm theo, bao gồm cả việc thoả thuận chế tài hoặc trách nhiệm trong những trường hợp cần thiết.

Do đó, pháp luật dân sự – với tính chất là một ngành luật độc lập, có đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh với những nét đặc trưng riêng và mang tính chất bao quát phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ để điều chỉnh những nhóm quan hệ xã hội nhất định.

II. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

1. Khái niệm

Theo truyền thống và theo thông lệ trong khoa học pháp lý, mỗi ngành luật đều có đối tượng nghiên cứu và đối tượng điều chỉnh riêng. Đối tượng điều chỉnh của một ngành luật là những nhóm quan hệ xã hội nhất định. Đó là nhóm quan hệ giữa “người với người” có những tính chất và nội dung tương tự. Nhóm quan hệ xã hội giữa “người với người” đó gọi là đối tượng điều chỉnh của một ngành luật nhất định. Đối tượng điều chỉnh của một ngành luật là một trong những tiêu chí cơ bản để phân định các ngành luật khác nhau trong một hệ thống pháp luật.

Đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự-theo khoa học Luật dân sự, là những nhóm quan hệ xã hội giữa “người với người”, phát sinh trong cuộc sống hàng ngày. Đó là nhóm quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân phát sinh trong quá trình sản xuất, phân phối, lưu thông, trao đổi, tiêu dùng... nhằm thoả mãn những nhu cầu mọi mặt của các chủ thể trong sản xuất, kinh doanh hoặc trong sinh hoạt, tiêu dùng của đời sống xã hội. Đây là những quan hệ rất phức tạp và đa dạng trong cộng đồng xã hội.

Khác với những môn khoa học pháp lý khác, khi nghiên cứu về quan hệ giữa “người với người” trong lĩnh vực tài sản và nhân thân, Luật dân sự nghiên cứu các

quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân tương đối toàn diện và mang tính chất tổng thể; xác định địa vị pháp lý của từng loại chủ thể khác nhau trong các quan hệ đó. Đối tượng nghiên cứu của Luật dân sự là những vấn đề có tính chất chung, cơ bản của một ngành luật “gốc”, có cơ chế điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng và với những quy luật riêng.

Phạm vi đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự trong đời sống xã hội rất phong phú và đa dạng. Tại đoạn 1 Điều 1 Bộ luật dân sự đã xác định phạm vi điều chỉnh của Luật dân sự khá bao quát là quy định địa vị pháp lý, chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác; quyền, nghĩa vụ của các chủ thể về nhân thân và tài sản trong các quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, gọi chung là quan hệ dân sự.

2. Các nhóm đối tượng điều chỉnh

Theo truyền thống và theo thông lệ nếu xét dưới góc độ quan hệ xã hội giữa “người với người”, khoa học pháp lý phân chia pháp luật dân sự điều chỉnh hai nhóm quan hệ cơ bản sau đây:

a. Quan hệ tài sản

*** Khái niệm**

Quan hệ tài sản trong giao lưu dân sự là quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản nhất định như: Tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng hoặc các quyền về tài sản. Quan hệ tài sản trong Luật dân sự bao giờ cũng gắn liền với một tài sản hoặc một quyền tài sản nhất định, trừ một số ngoại lệ nhất định. Quan hệ tài sản trong Luật dân sự là nhóm quan hệ chủ yếu và phổ biến nhất của giao lưu dân sự.

*** Đặc điểm**

Xuất phát từ những đặc thù của giao lưu dân sự, quan hệ tài sản do pháp luật dân sự điều chỉnh có những đặc điểm cơ bản sau đây:

– Quan hệ tài sản quy định trong Luật dân sự rất phong phú, đa dạng và có nhiều loại quan hệ có tính chất khác nhau. Theo nghĩa rộng và đầy đủ, nó không chỉ được ghi nhận dưới góc độ sở hữu mà còn bao gồm cả những quyền, nghĩa vụ tài sản phát sinh trong quá trình trao đổi, lưu thông được các chủ thể thực hiện thông qua các giao dịch dân sự. Nghĩa là, quan hệ tài sản trong pháp luật dân sự được quy định và ghi nhận trong trạng thái “tĩnh tại” và cả trong trạng thái “vận động” của lưu thông dân sự.

Chủ thể tham gia vào các quan hệ tài sản do Luật dân sự điều chỉnh cũng đa dạng, bao gồm: Cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác... Trong một số trường